

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN MỎ CÀY BẮC
TỈNH BẾN TRE**

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Bản án số: 13/2018/HNGĐ-ST

Ngày 07/3/2018

V/v: “Xin ly hôn”

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN MỎ CÀY BẮC, TỈNH BẾN TRE

- Với thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Bà Võ Thị Hồng Thúy

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Đoàn Văn Lắm
2. Ông Nguyễn Văn Truyền

- Thư ký ghi biên bản phiên tòa: Bà Lê Thị Lăng – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Mỏ Cày Bắc.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Mỏ Cày Bắc tham gia phiên tòa:
Bà Huỳnh Thị Chấm – Kiểm sát viên.

Ngày 07 tháng 3 năm 2018, tại phòng xử án Tòa án nhân dân huyện Mỏ Cày Bắc mở phiên tòa công khai xét xử vụ án hôn nhân đã thụ lý số 285/2017/TLST — HN ngày 11/10/2017 về việc: “**Xin ly hôn**”. Theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 02/2018/QĐXXST-HN ngày 18/01/2017, Quyết định hoãn phiên tòa số 10/2018/QĐST-HN ngày 07/02/2018. Giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Trần Thị H, sinh năm 1983 (xin vắng mặt)

Trú tại: ấp H, xã V, huyện C, tỉnh B.

Bị đơn: Dương Vũ Ph, sinh năm 1984 (vắng mặt không lý do)

Trú tại: ấp G, xã Hưng K, huyện M, tỉnh B.

NỘI DUNG VỤ ÁN

Theo đơn khởi kiện đề ngày 26/9/2017 và quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn chị Trần Thị H trình bày:

Chị H và anh Dương Vũ P kết hôn vào năm 2002, dựa trên điều kiện quen biết và có đăng ký kết hôn tại xã V, huyện C, tỉnh B. Sau khi kết hôn thời gian đầu anh chị sống hạnh phúc. Do kinh tế khó khăn nên năm 2013 chị H phải đi làm ở thành phố Hồ Chí Minh, thời gian sau vợ chồng phát sinh mâu thuẫn do bất đồng quan điểm, anh chị đã sống ly thân từ đó cho đến nay. Nay chị H thấy tình cảm vợ chồng không còn nên xin ly hôn. Con chung Dương Chí T, sinh ngày 06/8/2002;

Dương Thị Huỳnh T, sinh ngày 10/11/2008 hiện đang sống với chị H. Nay chị H yêu cầu được nuôi con, yêu cầu anh P cấp dưỡng nuôi hai con mỗi tháng 3.000.000 đồng. Tài sản chung, nợ chung: không có.

Cháu Dương Chí T trình bày: Nếu cha mẹ ly hôn cháu có nguyện vọng sống với mẹ.

Cháu Dương Thị Huỳnh T trình bày: Nếu cha mẹ ly hôn cháu có nguyện vọng sống với mẹ.

Tại phiên tòa Kiểm sát viên đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Mỏ Cày Bắc phát biểu:

Việc tuân theo pháp luật của Thẩm phán trong quá trình thụ lý vụ án và giải quyết đúng quy định của pháp luật.

Việc tuân theo pháp luật của Hội đồng xét xử tại phiên tòa đúng quy định của pháp luật.

Việc tuân theo pháp luật của đương sự trong quá trình thụ lý và giải quyết: nguyên đơn thực hiện đúng quy định của pháp luật, bị đơn vắng mặt các lần tòa án mời.

Về nội dung vụ án: Đề nghị áp dụng điều 56, 81, 82, 83, 84 Luật hôn nhân gia đình năm 2014; điều 227 Bộ luật tố tụng dân sự. Chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của chị Trần Thị H, chị Trần Thị H được ly hôn với anh Dương Vũ P. Con chung: chị H được trực tiếp nuôi hai cháu Dương Chí T và Dương Thị Huỳnh T, anh P phải cấp dưỡng nuôi con mỗi cháu mỗi tháng 750.000 đồng đến khi tròn 18 tuổi; Tài sản chung, nợ chung chị H trình bày không có nên không xen xét.

NHẬN ĐỊNH CỦA TOÀ ÁN;

Sau khi nghiên cứu chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa. Sau khi nghe các đương sự phát biểu tranh luận Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Quan hệ pháp luật: Theo đơn khởi kiện nguyên đơn chị Trần Thị H yêu cầu xin ly hôn với anh Dương Vũ P nên căn cứ vào điều 51 Luật hôn nhân gia đình xác định quan hệ tranh chấp là “Ly hôn”.

[2] Thẩm quyền xét xử: Theo xác nhận ngày 15/11/2017 của Công an xã Hưng Khánh Trung A đã xác nhận anh Dương Vũ P hiện đang sinh sống tại xã H, huyện M, tỉnh B. Căn cứ vào Điều 35 Bộ luật tố tụng dân sự thì thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Mỏ Cày Bắc, tỉnh Bến Tre.

[3] Nội dung vụ án:

Chị Trần Thị H có đơn yêu cầu xét xử vắng mặt với lý do đi làm xa nên căn cứ vào điều 227 Bộ luật tố tụng dân sự xét xử vắng mặt chị H.

Anh Dương Vũ P đã được tòa án tổng đạt hợp lệ nhưng vắng mặt không lý do nên căn cứ vào khoản 2 điều 227 Bộ luật tố tụng dân sự xét xử vắng mặt anh P

Chị Trần Thị H và anh Dương Vũ P kết hôn vào năm 2002 điều kiện kết hôn nhân là do quen biết và tự nguyện, có đăng ký kết hôn tại UBND xã V, huyện C, tỉnh B. Như vậy, hôn nhân của chị Trần Thị H và anh Dương Vũ P là hôn nhân hợp pháp, được pháp luật công nhận và bảo vệ. Xét yêu cầu khởi kiện xin ly hôn của chị Trần Thị H, chị H cho rằng nguyên nhân vợ chồng mất hạnh phúc là do kinh tế khó khăn, chị H phải đi làm xa nên dẫn đến vợ chồng bất đồng quan điểm, không hợp ý như trước và vợ chồng đã sống ly thân thời gian dài. Còn anh Dương Vũ P đã được Tòa án tổng đạt hợp lệ thông báo mở phiên công khai chứng cứ và hòa giải nhưng anh P vắng mặt không lý do. Sau khi thụ lý vụ án Tòa án tiến hành xác minh nguyên nhân mất hạnh phúc giữa chị H và anh P thì chính quyền địa phương xác nhận nguyên nhân mất hạnh phúc giữa chị H và anh P là do chị H đi làm ăn xa thời gian đầu chị H thường về thăm gia đình, thời gian sau thì ít dần và vợ chồng sống xa nhau nên không còn tình cảm. Hội đồng xét xử xét thấy anh P không có thiện chí đến tòa án hòa giải để về đoàn tụ xây dựng gia đình hạnh phúc. Xét thấy mâu thuẫn giữa chị H và anh P không khắc phục được, mục đích hôn nhân giữa hai anh chị không đạt được, đời sống chung không thể kéo dài nên chấp nhận yêu cầu của chị H là có căn cứ.

[4] Con chung: Dương Chí T, sinh ngày 06/8/2002; Dương Thị Huỳnh T, sinh ngày 10/11/2008 hiện đang sống với chị H. Chị H yêu cầu được nuôi con, yêu cầu anh P cấp dưỡng nuôi hai cháu mỗi tháng 3.000.000 đồng. Hội đồng xét xử xét thấy anh P không có ý kiến về việc nuôi con và chị H đang trực tiếp nuôi cháu T, cháu T, đồng thời nguyện vọng của hai cháu là muốn sống cùng mẹ nên cần để hai cháu cho chị H trực tiếp nuôi để đảm bảo về mặt tinh thần và thể chất cho các cháu. Chị H yêu cầu anh P cấp dưỡng nuôi con mỗi tháng 3.000.000 đồng cho hai cháu, Hội đồng xét xử xét thấy anh P không có nghề nghiệp ổn định nên chị H yêu cầu anh phương cấp dưỡng tháng 3.000.000 đồng là quá cao. Xét thấy buộc anh P cấp dưỡng nuôi con mỗi tháng là 750.000 đồng/cháu đến khi con chung của anh chị tròn 18 tuổi là phù hợp.

[5] Tài sản chung: Chị Trần Thị H trình bày không có, anh Dương Vũ P không có ý kiến nên không không xem xét.

[6] Nợ chung: Chị Trần Thị H trình bày không có, anh Dương Vũ P không có ý kiến nên không không xem xét.

[7] Căn cứ vào khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ quốc hội, Trần Thị H phải chịu án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm là 300.000 đồng nhưng được trừ vào tiền tạm ứng án phí đã nộp.

Anh Dương Vũ P phải chịu án phí cấp dưỡng là 300.000 đồng.

[8] Xét thấy đề nghị của đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Mỏ Cày Bắc phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử nên chấp nhận.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào các Điều 51, 56, 81, 82, 83, 84 Luật hôn nhân gia đình năm 2014; Điều 227 Bộ luật tố tụng dân sự 2015; khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ quốc hội.

1. Chấp nhận yêu cầu của chị Trần Thị H.

Chị Trần Thị H được ly hôn với anh Dương Vũ P.

2. Về nuôi con chung: Hai cháu Dương Chí T, sinh ngày 06/8/2002; Dương Thị Huỳnh T, sinh ngày 10/11/2008 sẽ do chị H trực tiếp nuôi dưỡng. Anh P có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con mỗi tháng là 750.000 đồng/cháu, phương thức cấp dưỡng mỗi tháng một lần, thời gian cấp dưỡng từ tháng 3 năm 2018 cho đến khi cháu T, cháu T tròn 18 tuổi.

Sau khi ly hôn, cha, mẹ vẫn có quyền, nghĩa vụ trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chưa thành niên, con đã thành niên mất năng lực hành vi dân sự hoặc không có khả năng lao động và không có tài sản để tự nuôi mình theo quy định của Luật Hôn nhân và gia đình và các luật khác có liên quan. Người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở. Người không trực tiếp nuôi con lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con thì người trực tiếp nuôi con có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom con của người đó.

Người trực tiếp nuôi con có quyền yêu cầu người không trực tiếp nuôi con thực hiện các nghĩa vụ theo quy định tại điều 82 Luật Hôn nhân và gia đình, yêu cầu người không trực tiếp nuôi con cùng các thành viên gia đình tôn trọng quyền được nuôi con của mình. Người trực tiếp nuôi con cùng các thành viên gia đình không được cản trở người không trực tiếp nuôi con trong việc thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con. Trường hợp có yêu cầu của cha, mẹ hoặc cá nhân, tổ chức quy định tại khoản 5 điều 84 Luật Hôn nhân và gia đình, Tòa án có thể quyết định thay đổi người trực tiếp nuôi con.

3. Tài sản chung: Chị Trần Thị H trình bày không có, anh Dương Vũ P không có ý kiến nên không xem xét.

4. Nợ chung: Chị Trần Thị H trình bày không có, anh Dương Vũ P không có ý kiến nên không xem xét.

5. Căn cứ vào khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ quốc hội, chị Trần Thị H phải chịu án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm là 300.000 đồng nhưng được trừ vào tiền tạm ứng án phí đã nộp tại biên lai thu số 0008760 ngày 11/10/2017 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Mỏ Cày Bắc.

Anh Dương Vũ P phải nộp án phí cấp dưỡng là 300.000 đồng.

Án phí sung vào công quỹ Nhà nước.

Nguyên đơn, bị đơn vắng mặt có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc từ ngày tòa án tổng đạt bản án hợp lệ để yêu cầu Tòa án nhân dân tỉnh Bến Tre xét xử phúc thẩm.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Bến Tre (1b);
- VKSND huyện Mỏ Cày Bắc (2b);
- Chi cục THADS huyện Mỏ Cày Bắc (1b);
- Các đương sự (2b);
- UBND xã Vĩnh Hòa, huyện Chợ Lách;
- Lưu: Hồ sơ, VP (2b).

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA
(Đã ký)

Võ Thị Hồng Thúy